

NGHỊ QUYẾT

**Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 973/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 4625/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra số 146/BC-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan đảng, đoàn thể và tổ chức khác được giao kế hoạch đầu tư công (dưới đây gọi tắt là các sở, ban, ngành, địa phương).

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách tỉnh trong giai đoạn 2021-2025.

Điều 3. Nguyên tắc và thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025

1. Nguyên tắc phân bổ vốn:

a) Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025 tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

b) Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ban, ngành, địa phương.

c) Việc phân bổ vốn đầu tư công phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của tỉnh, các ngành, lĩnh vực, địa phương, kế hoạch tài chính 05 năm, các quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt, bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững, hài hòa giữa kinh tế và xã hội.

d) Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ nguồn ngân sách tỉnh và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác, của từng ngành, lĩnh vực, địa phương và đơn vị.

đ) Phân bổ vốn đầu tư tập trung, không phân tán, dàn trải; bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Chỉ giao kế hoạch vốn đối với các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Các Chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, các dự án mới phải bảo đảm thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A không quá 06 năm, nhóm B không quá 04 năm, nhóm C không quá 03 năm. Trường hợp không đáp ứng thời gian trên, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện.

e) Tập trung ưu tiên bố trí vốn để thực hiện, đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành và phát huy hiệu quả các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng; chương trình, dự án kết nối, có tác động liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu (sạt lở bờ sông, bờ biển, xâm nhập mặn, nước biển dâng...), bảo đảm an ninh nguồn nước.

f) Ưu tiên phân bổ vốn cho các vùng miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn, đồng bộ với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng, khu vực trong tỉnh.

2. Thứ tự ưu tiên phân bổ vốn:

a) Phân bổ đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 4 Điều 101 Luật Đầu tư công (nếu có).

b) Phân bổ đủ vốn để hoàn trả vốn ứng trước kế hoạch nhưng chưa có nguồn để hoàn trả trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước (nếu còn).

c) Phân bổ vốn cho dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; vốn cho các dự án ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (bao gồm cả vốn đối ứng); vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư; dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch.

d) Phân bổ vốn để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch.

đ) Phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư để lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án.

e) Phân bổ vốn cho dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5 Điều 51 của Luật Đầu tư công.

3. Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 4. Tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh (không bao gồm tiền sử dụng đất và xổ số kiến thiết)

1. Định mức vốn phân bổ cho khối tỉnh và khối huyện:

a) Dành 60% vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh (không bao gồm tiền sử dụng đất và tiền xổ số kiến thiết) phân bổ theo lĩnh vực, ngành cho các sở, ban, ngành thuộc tỉnh.

b) Mức vốn còn lại 40% phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố.

2. Số vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố dựa trên cơ sở số điểm theo 08 tiêu chí như sau:

a) Điểm của tiêu chí về dân số trung bình:

Số dân trung bình	Điểm
Đến 100.000 người	10
Trên 100.000 người đến 150.000 người	12
Trên 150.000 người đến 200.000 người	13
Trên 200.000 người	14

(Dân số trung bình các địa phương để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê tỉnh năm 2019).

b) Điểm của tiêu chí về số người dân tộc thiểu số:

Số người dân tộc thiểu số	Điểm
Đến 200 người dân tộc thiểu số được	0,5
Trên 200 người đến 1.000 người dân tộc thiểu số được	1,0
Trên 1.000 người đến 5.000 người dân tộc thiểu số được	1,5
Trên 5.000 người đến 10.000 người dân tộc thiểu số được	2,0
Trên 10.000 người đến 20.000 người dân tộc thiểu số được	2,5
Trên 20.000 người dân tộc thiểu số được	3,0

(Số người dân tộc thiểu số của các địa phương để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê tỉnh năm 2019).

c) Điểm của tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo:

Tỷ lệ hộ nghèo	Điểm
Đến 1% hộ nghèo	1,0
Trên 1% hộ nghèo đến 2% hộ nghèo	1,5
Trên 2% hộ nghèo đến 3% hộ nghèo	2,0
Trên 3% hộ nghèo	2,5

(Tỷ lệ hộ nghèo để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2019).

d) Điểm của tiêu chí về số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết):

Số thu nội địa	Điểm
Đến 50 tỷ đồng	0,5
Trên 50 tỷ đồng đến 120 tỷ đồng	1,0
Trên 120 tỷ đồng đến 150 tỷ đồng	1,5
Trên 150 tỷ đồng đến 300 tỷ đồng	3,0
Trên 300 tỷ đồng	4,0

Số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết) để tính toán điểm được xác định căn cứ vào dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2020 do Sở Tài chính cung cấp.

đ) Điểm của tiêu chí về tỷ lệ điều tiết về ngân sách cấp trên:

Chỉ có thành phố Phan Thiết là địa phương có số thu nội địa lớn (dự toán năm 2020 là 1.540 tỷ đồng), có điều tiết về ngân sách cấp trên để phân bổ cho các địa phương có nguồn thu thấp, do đó được bổ sung 2 điểm.

(Tỷ lệ điều tiết ngân sách cấp trên để tính toán điểm được xác định căn cứ vào dự toán ngân sách địa phương năm 2020 do Sở Tài chính cung cấp).

e) Điểm của tiêu chí về diện tích tự nhiên:

Diện tích đất tự nhiên	Điểm
Đến 150 km ²	8,0
Trên 150 km ² đến 500 km ²	10,0
Trên 500 km ² đến 1.000 km ²	12,0
Trên 1.000 km ² đến 1.500 km ²	14,0
Trên 1.500 km ²	15,0

(Diện tích đất tự nhiên của các địa phương để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê năm 2019).

f) Điểm của tiêu chí về đơn vị hành chính cấp xã (gồm xã, phường, thị trấn):

Đơn vị hành chính cấp xã	Điểm
Mỗi xã được tính	0,5

(Số đơn vị hành chính cấp xã để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Sở Nội vụ tính đến ngày 31 tháng 8 năm 2020).

g) Điểm tiêu chí về số xã miền núi, hải đảo:

Đơn vị hành chính cấp xã miền núi (xã khu vực III), hải đảo	Điểm
Mỗi xã được tính	0,2

(Số đơn vị hành chính cấp xã miền núi, hải đảo để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Ban Dân tộc tính đến ngày 31 tháng 8 năm 2020).

h) Ngoài ra, hàng năm căn cứ vào tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung vốn đầu tư công cho các địa phương có công trình, dự án trọng điểm quốc gia có tác động trực tiếp đến tình hình dân sinh, kinh tế xã hội, nhất là môi trường.

3. Xác định mức phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố:

a) Căn cứ vào các tiêu chí và số điểm của từng tiêu chí tại khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết này để tính ra số điểm của từng huyện, thị xã, thành phố và tổng số điểm của 10 huyện, thị xã, thành phố. Cụ thể tổng số điểm của 10 huyện, thị xã, thành phố là 356,6 điểm (kèm theo biểu). Trong đó: (1) Huyện Tuy Phong: 36,4 điểm; (2) Huyện Bắc Bình: 42,1 điểm; (3) Huyện Hàm Thuận Bắc: 44,1 điểm; (4) Thành phố Phan Thiết: 41,5 điểm; (5) Huyện Hàm Thuận Nam: 37,7 điểm; (6) Huyện Hàm Tân: 32 điểm; (7) Thị xã La Gi: 30 điểm; (8) Huyện Tánh Linh: 36,7 điểm; (9) Huyện Đức Linh: 34 điểm; (10) Huyện Phú Quý: 22,1 điểm.

b) Số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ là tổng mức vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh dành phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố theo quy định tại khoản 1, Điều 4 Nghị quyết này chia cho tổng số điểm của 10 huyện, thị xã, thành phố.

c) Tổng vốn đầu tư công ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố là vốn định mức cho 01 điểm phân bổ nhân với tổng số điểm của từng huyện, thị xã, thành phố.

d) Phương pháp tính mức vốn được phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố cụ thể như sau:

- Gọi K là tổng số vốn ngân sách tỉnh dành phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố.

- Gọi Q là tổng số điểm của 10 huyện, thị xã, thành phố.

- Gọi G là số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ theo tiêu chí, định mức:

$$G = \frac{K}{Q}$$

- Số vốn đầu tư công theo tiêu chí, định mức của từng địa phương được tính theo công thức:

$$K_i = G \times Q_i$$

(K_i : Số vốn của từng địa phương; Q_i là số điểm của từng địa phương).

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận khóa X, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 03 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Ban Công tác Đại biểu - UBTV Quốc hội;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND,
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Thuận;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT. (TH.09) Nhân

CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Hùng

